

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST.

Ngày: 21/7/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thường;

2. Ông Lý Đạt Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:11/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Văn K, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp Vĩnh T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Bé U, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1981; Bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là người thứ nhất; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 01 năm 2020 đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Thái Kiều D, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Ấp Tây B, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Ấp Tây B, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

1/ Ông Lê Văn Bé O, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khóm Đ 2, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Khóm Đ 2, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3/ Anh Nguyễn Thái Q, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Ấp Vĩnh T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4/ Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp Vĩnh T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

5/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1941. Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

6/ Chị Huỳnh Thị Bích Ng, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Ấp Vĩnh T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Thái Kiều D: Ông Phan Văn Hùng - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2019 Lê Văn K quen biết và có quan hệ tình cảm với em Thái Kiều D sinh ngày 11/12/2004 qua mạng xã hội Zalo. Đầu tháng 6/2019, K đưa D đến nhà ông Huỳnh Văn T tại ấp Vĩnh T, xã T, huyện Thoại Sơn, cả hai ngủ chung tại đây 02 đêm và K giao cấu với D hai lần. Đến ngày 28/6/2019 bà Huỳnh Thị P là mẹ ruột của D phát hiện nên ngăn cấm không cho D tiếp tục quen K. Đầu tháng 9/2019, K và D cùng nhau bỏ gia đình đến nhà ông Lê Văn Bé O tại tổ 50, khóm Đ 2, phường B, thành phố Long Xuyên sinh sống, trong thời gian này cả hai quan hệ tình dục với nhau 03 lần, mỗi lần cách nhau khoảng 03 đến 05 ngày. Đầu tháng 11/2019, D cùng K đi làm thuê theo máy cắt lúa mướn tại ấp M, xã P, huyện Thoại Sơn và ngủ nhờ nhà bà Nguyễn Thị B, tại đây cả hai có quan hệ tình dục với nhau 01 lần. Đến ngày 01/12/2019, bà P phát hiện D và K tiếp tục sống chung nên trình báo Công an xã P. Sau đó, bà P phát hiện D có biểu hiện lạ nên đưa đến Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn thăm khám, phát hiện D mang thai hơn 06 tuần tuổi.

Ngày 04/12/2019, D được gia đình đưa đến Bệnh viện Sản Nhi An Giang để thực hiện phương pháp kết thúc thai kỳ; đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thoại Sơn, cùng Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang tiến hành thu mẫu rốn của thai nhi và mẫu chân tóc, niêm mạc miệng của D, của bị cáo K để trưng cầu Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định ADN.

Vật chứng thu giữ: Một điện thoại di động hiệu OPPO A7 màu xanh đen số IMEI 1: 867939047332052, số IMEI 2: 86793904733 của Thái Kiều D.

Tại Kết luận giám định số 391/C09B ngày 30/12/2019 của Phân viện khoa học hình sự kết luận: Thái Kiều D là mẹ ruột của thai nhi trong túi thai gửi

giám định. Lê Văn K là cha ruột của thai nhi trên, với xác suất 99.99999993% và lưu những kiểu gen này tại Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 123/20/TgT ngày 30/3/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang đối với Thái Kiều D sinh năm 2004: Màng trinh dẫn rộng, vết rách cũ vị trí 5 giờ. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 00%.

Kết luận giám định số 91/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang: Trích xuất dữ liệu tin nhắn, tin nhắn thoại thể hiện tên liên hệ “Huỳnh Công K” tìm thấy trong ứng dụng Zalo, lưu trữ trong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo (ký hiệu A).

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTS ngày 25/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Lê Văn K về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị hại Thái Kiều D trình bày việc K và D đã nhiều lần giao cấu với nhau như nội dung vụ án đã nêu.

Người đại diện theo pháp luật cho bị hại bà Huỳnh Thị P trình bày: D là con nuôi của vợ chồng bà và ông Thái Đông. D sinh ngày 11/12/2004 tại nhà bà Võ Thị Tuyết ở cùng địa phương. Do vợ chồng bà không có con nên khi nghe bà Tuyết nói có người phụ nữ mới sinh một đứa con gái nhưng không nuôi và đem cho nên vợ chồng bà nhận nuôi, đặt tên là Thái Kiều D và đứng tên trên giấy khai sinh. Nay bà yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần, danh dự và nhân phẩm cho D là 17.345.944 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn luận tội giữ nguyên tội danh cáo trạng truy tố. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận theo yêu cầu của đại diện hợp pháp cho bị hại buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tiền thuốc điều trị; tiền bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 17.345.944 đồng.

Vật chứng vụ án: Do bị hại đã nhận lại nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận thực hiện hành vi giao cấu với bị hại như cáo trạng đã nêu. Bị cáo không tranh luận về tội danh, khung hình phạt do Viện kiểm sát luận tội; nói lời sau cùng bị cáo thể hiện lỗi lầm và tỏ thái độ ăn năn, hối cải đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Trợ giúp viên pháp lý ông Phan Văn Hùng trình bày lý đoán bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại thống nhất điểm, khoản, tội danh và Điều luật

cáo trạng truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để ra bản án hợp tình, hợp lý, có tác dụng cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tiền thuốc điều trị là 2.445.944 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 14.900.000 đồng. Tổng cộng 17.345.944 đồng.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục điều tra, truy tố:

Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại; đại diện hợp pháp bị hại; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này còn có người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sau khi vụ án xảy ra, người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn K:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn K khai nhận:

Khoảng tháng 4/2019, qua mạng xã hội Zalo, bị cáo quen biết với Thái Kiều D sinh ngày 11/12/2004. Từ đầu tháng 6/2019 đến tháng 11/2019, K đưa D đi nhiều nơi và quan hệ tình dục với D nhiều lần dẫn đến D có thai. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, đại diện hợp pháp bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, các kết luận giám định số 391/C09B ngày 30/12/2019 của Phân viện khoa học hình sự; kết luận giám định pháp y về tình dục số 123/20/TgT ngày 30/3/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang và Kết luận giám định số 91/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang ghi nhận. Đồng thời căn cứ vào giấy khai sinh của Thái Kiều D tại thời điểm xảy ra việc bị K giao cấu D chưa tròn 15 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn K phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đáng giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Trẻ em là thế hệ tương lai của đất nước, là đối tượng cần được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự. Mọi hành vi xâm hại về mặt tình dục đều bị xử lý kịp thời, nghiêm minh.

Lê Văn K là thanh niên đã trưởng thành, nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức để trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì dục vọng thấp hèn, bất chấp luân thường đạo lý đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

Biết em Thái Kiều D còn nhỏ tuổi đang đi học và bị cáo biết rõ việc giao cấu với trẻ em là phạm tội, nhưng vẫn cố ý thực hiện và thực hiện nhiều lần làm em D có thai.

Hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của em Kiều D, gây tổn thất về tinh thần chẳng những ở hiện tại mà còn kéo dài dai dẳng về sau.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, tập trung nhiều tình tiết định khung tăng nặng đó là phạm tội nhiều lần và làm nạn nhân có thai. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an cho các gia đình có con gái nhỏ phải thường xuyên quan tâm theo dõi. Do đó cần phải xử lý bị cáo một hình phạt nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng một số tình tiết giảm nhẹ, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được qui định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, có thể xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn K đã trực tiếp xâm phạm đến thể chất và tinh thần của người bị hại thì phải có trách nhiệm bồi thường. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường hai khoản gồm tiền thuốc điều trị là 2.445.944 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 14.900.000 đồng. Tổng cộng 17.345.944 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Thoại Sơn thu giữ gồm: Một điện thoại di động hiệu OPPO A7 màu xanh đen số IMEI 1: 867939047332052, số IMEI 2: 86793904733 của bị hại Thái Kiều D.

Xét thấy vật chứng trên bị hại đã được nhận lại nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Lẽ ra phải buộc bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, còn phải bồi thường cho người bị hại nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo

Qua vụ án này, Hội đồng xét xử lưu ý các bậc làm cha mẹ nên đặc biệt quan tâm chăm sóc, bảo vệ con cái nhất là trẻ em gái nhằm phòng tránh bị kẻ xấu lợi dụng xâm hại tình dục.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 01 năm 2020.

Áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại (do bà Huỳnh Thị P đại diện nhận) tiền thuốc điều trị là 2.445.944 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 14.900.000 đồng. Tổng cộng 17.345.944 đồng.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Lê Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn K.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THA hình sự huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Bị cáo, bị hại, các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Triều